

# SỬ DỤNG MA TÚY TỔNG HỢP DẠNG AMPHETAMINE (ATS) TRONG NHÓM NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI (MSM) TẠI VIỆT NAM

Bùi Thị Minh Hào<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Hùng<sup>2</sup>, Phạm Đức Mạnh<sup>2</sup>,  
Lê Minh Giang<sup>1</sup>, Todd P. Korhuis<sup>3</sup>  
<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam  
<sup>2</sup>Cục phòng chống HIV/AIDS  
<sup>3</sup>Đại học Khoa học và Sức khỏe Oregon, Hoa Kỳ

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Mặc dù dịch HIV tại Việt Nam tập trung trong nhóm tiêm chích ma túy, ngày càng nhiều bằng chứng cho thấy sử dụng ATS, đặc biệt tại thành thị đang tăng trong các nhóm đối tượng có nguy cơ cao. Nghiên cứu này tiến hành tại 3 thành phố lớn nhằm xác định tỷ lệ sử dụng ATS và mối liên quan với hành vi tình dục không an toàn trong nhóm MSM.

**Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu ngang trên 270 nam 18 – 45 tuổi, quan hệ tình dục đồng giới trong 30 ngày qua sử dụng phương pháp chọn mẫu đối tượng giới thiệu đối tượng tại Hà Nội, Đà Nẵng, và Hồ Chí Minh năm 2011. Phân tích đa biến xác định mối tương quan giữa sử dụng ATS với hành vi tình dục không an toàn.

**Kết quả:** Tuổi trung bình của đối tượng là 23,3 (SD 5,7); 42,8% có trình độ học vấn cấp 3 trở lên, 14,1% hiện sống với vợ/bạn tình và 13,3% sử dụng heroin trong năm qua. 85,9% đã từng và 73,3% hiện đang sử dụng ATS, trong đó 55,9% sử dụng theo đường uống, 37,4% hút. Lý do sử dụng ATS lần đầu là do bạn bè (69,6%), tò mò (57,0%); 51,9% sử dụng ATS lần đầu tiên cùng với rượu. Số bạn tình trung bình trong tháng qua là 3 (SD 4,3), 62,0% không thường xuyên sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục. Phân tích đa biến cho thấy trình độ học vấn cấp 3 trở lên (aOR 0,34, 95% CI 0,18 0,65), đang sử dụng ATS (aOR 2,04, 95% CI 1,09 3,81) tương quan với hành vi tình dục không an toàn trong năm qua.

**Kết luận:** Tỷ lệ MSM trong nghiên cứu sử dụng ATS là rất cao và có liên quan đến hành vi tình dục không an toàn. Điều này cho thấy việc mở rộng can thiệp giảm sử dụng ATS trong nhóm MSM là cần thiết trong chương trình phòng chống HIV tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ma túy tổng hợp dạng Amphetamine (ATS), nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM), Việt Nam.

## SUMMARY

**Background:** While the HIV epidemic in Vietnam has been driven by heroin injection, growing evidences show that ATS consumption has increased, especially in urban settings, among some high risk populations. This study was conducted in three big cities in order to explore the prevalence of ATS use and examine its association with unprotected sex among MSM.

**Method:** A cross-sectional survey was conducted in 2011 among 270 MSM recruited through snowballing in Hanoi, Da Nang and Ho Chi Minh city. Multivariate analysis examined the association between ATS use and unprotected sex.

**Result:** Participants had a mean age of 23.3 (SD 5.7); 42.8% had high school education or higher, 14.1% were living with a spouse or sexual partner and 13.3% also used heroin in the last year. ATS use was prevalent with 85.9% reporting lifetime and 73.3% reporting current use, of which 55.9% reported oral intake and 37.4% smoked ATS. First-time ATS use was in the context of peer pressure (69.6%), curiosity (57.0%), concomitant alcohol use (51.9%). 62.0% reported having unprotected sex with a mean of 3 (SD 4.3) sexual partners. In multivariable analysis, higher education (aOR 0.34, 95% CI 0.18 0.65), and current ATS use (aOR 2.04, 95% CI 1.09 3.81) were associated with having unprotected sex.

**Conclusion:** ATS use was high prevalent among MSM in our study and was associated with unprotected sex. This suggests that an expansion of intervention to reduce ATS use among MSM is needed to prevent further HIV transmission in Vietnam.

**Keywords:** Amphetamine-Type Stimulants (ATS), Men who have sex with men (MSM), Unprotected sex, Vietnam.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hiệp quốc (UNODC), tình trạng sử dụng các chất kích thích dạng amphetamine (ATS) đang gia tăng một cách đáng lo ngại trong nhóm thanh thiếu niên tại tất cả các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam [7]. Nghiên cứu gần đây ở một số quốc gia châu Á gồm Thái Lan và Campuchia cho thấy việc sử dụng ATS rất phổ biến trong nhóm thanh thiếu niên, đặc biệt trong các nhóm có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV là nữ mại dâm (FSW) và nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM), trong khi nghiên cứu tại Mỹ cho thấy ATS được sử dụng rất phổ biến trong nhóm MSM [4], [5]. Nghiên cứu IBBS tại Việt Nam cho thấy tỷ lệ MSM sử dụng các chất gây nghiện trong nhóm MSM ở Hà Nội (HN) tăng từ 22,8% (2006) lên 31,8% (2009) và thành phố Hồ Chí Minh (HCM) từ 21,0% lên đến 25,3% trong cùng thời gian này [1], [3]. Năm 2010 – 2011, trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo HIV/AIDS, trường Đại học Y Hà Nội với sự tài trợ của Văn phòng liên hiệp quốc phòng chống ma túy và tội phạm (UNODC) đã tiến hành một điều tra về tình hình sử dụng ATS xuất hiện ở Việt Nam là hồng phiến, thuốc lắc và đá nhóm trong nhóm MSM, FSWs và nam sử dụng ma túy. Bài viết này sử dụng một phần kết quả của nghiên cứu trên với hai mục tiêu nghiên cứu: 1. Mô tả thực trạng sử dụng các chất ma túy tổng hợp dạng amphetamine trong nhóm nam bán dâm đồng giới tại Việt Nam. 2. Xác định mối liên quan giữa sử dụng ma túy tổng hợp dạng amphetamine với hành vi tình dục có nguy cơ.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Đối tượng nghiên cứu

Nam giới từ 18 – 45 tuổi, có quan hệ tình dục đồng giới trong 30 ngày qua tự nguyện tham gia nghiên cứu.

**Thời gian nghiên cứu:** Tháng 12/2010 đến tháng 5/2011.

**Địa điểm nghiên cứu:** Hà Nội, Hồ Chí Minh.

### Cỡ mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu nghiên cứu tổng thể là 270 đối tượng, trong đó tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là 100 đối tượng, tại Đà Nẵng là 70 đối tượng tham gia nghiên cứu.

### Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu

Điều tra cắt ngang sử dụng phương pháp đối tượng giới thiệu đối tượng cho đến khi đạt đủ cỡ mẫu cần thiết.

### Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được hội đồng đạo đức trường ĐHYHN thông qua.

Sự tham gia nghiên cứu của đối tượng là tự nguyện và vô danh.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

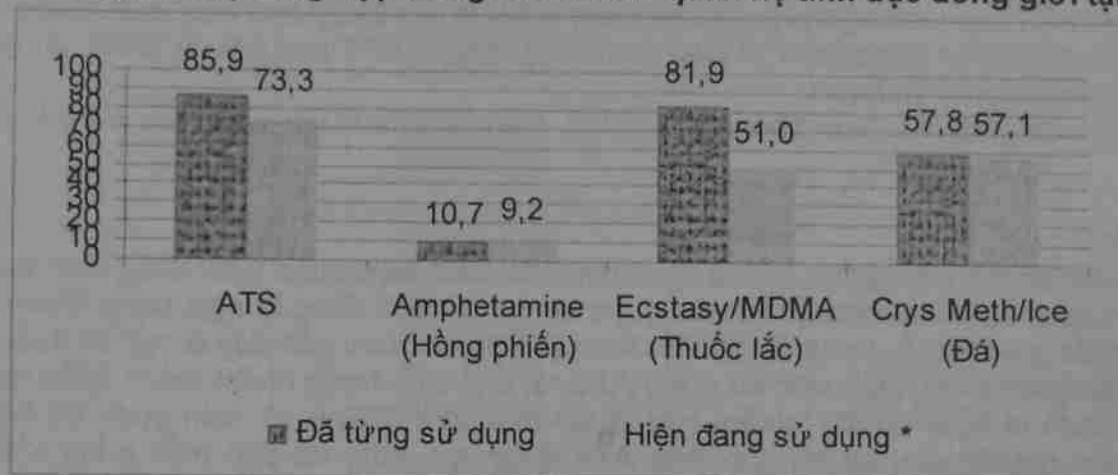
Bảng 1: Các đặc điểm nhân khẩu và xã hội của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tổng (N = 270)	ATS (-) (N = 72)	ATS (+) (N = 198)	Giá trị p
Tuổi trung bình	23,3 ± 5,7	23,7 ± 6,5	23,2 ± 5,4	0,493
Trình độ học vấn cấp 3 trở lên	43,0	71,1	38,4	0
Hiện sống cùng gia đình	54,4	55,6	54,0	0,825
Hiện đang đi làm	77,0	84,2	75,8	0,257

Thu nhập				
Dưới 2 triệu đồng/tháng	33,0	39,5	31,9	
2 – 3 triệu đồng/tháng	33,3	28,9	34,1	0,643
Trên 3 triệu đồng/tháng	33,7	31,6	34,0	
Sử dụng heroine 12 tháng qua	13,3	6,9	15,7	0,063
Đã từng xét nghiệm HIV	65,9	73,6	63,1	0,108
Bạn tình đồng giới 30 ngày qua				
Một bạn tình	44,4	57,1	39,8	
Hai bạn tình	24,8	17,2	27,6	0,038
Ba bạn tình trở lên	30,8	25,7	32,6	

**Nhận xét:** Đối tượng tham gia nghiên cứu có tuổi trung bình là 23,3 (SD = 5,7), có trình độ học vấn cao, và hiện đang có công việc mang lại thu nhập thường xuyên. 71,1% đối tượng không sử dụng ATS có trình độ học vấn từ cấp 3 trở lên, khác biệt có ý nghĩa thống kê so với 38,4% đối tượng trong nhóm đang sử dụng ATS. Nhóm sử dụng ATS có tỷ lệ sử dụng heroin cũng như có nhiều hơn 1 bạn tình đồng giới trong 30 ngày qua cao hơn nhóm không sử dụng ATS, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê

#### Thực trạng sử dụng ma túy tổng hợp trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Việt Nam



**Biểu đồ 1: Tỷ lệ sử dụng ATS của MSM tại Việt Nam**

**Nhận xét:** 85,9% đối tượng đã từng, và 73,3% hiện đang sử dụng một trong các loại ATS, trong đó tỷ lệ đã từng thử thuốc lắc là cao nhất (81,9%). Tỷ lệ đối tượng đã từng sử dụng hàng đá khá tương đồng với tỷ lệ hiện đang sử dụng (khoảng 57%).

**Bảng 2: Đặc điểm lần sử dụng ATS đầu tiên**

	Hồng phiến (n = 29)	Thuốc lắc (n = 221)	Đá (n = 156)
<b>Địa điểm sử dụng lần đầu tiên</b>			
Nhà riêng	13,8	2,7	10,2
Nhà của bạn bè/ bạn tình	17,2	7,7	24,0
Bar, Sân nhảy	34,5	70,6	8,9
Khách sạn/ Nhà nghỉ	27,6	14,0	51,4
Khác	6,9	4,5	5,5
<b>Lý do sử dụng lần đầu tiên</b>			
Tò mò, muốn biết tác dụng	51,7	60,6	55,8
Muốn phê	27,6	16,3	21,8
Bạn bè rủ sử dụng	72,4	75,1	73,1
Bạn tình rủ sử dụng	13,8	12,2	10,9
Người bán ATS rủ sử dụng	6,9	0,5	1,3
Khác	0,0	6,8	4,5
<b>Cách sử dụng ATS lần đầu tiên</b>			
Hút	31,0	0,0	76,8
Hit	20,7	0,0	15,5
Uống	48,3	92,3	6,4
Khác	0,0	7,7	1,3
<b>Chất sử dụng cùng ATS</b>			
Không	34,5	23,6	63,5
Rượu	37,9	59,3	23,7
Heroin	6,9	0,0	0
Các chất khác	20,7	18,1	14,1
<b>Người sử dụng ATS cùng</b>			
Bạn bè	89,7	95,0	94,2
Bạn tình	13,8	13,6	9,6
Khách hàng mua dâm	6,9	2,3	1,9
Khác/ Sử dụng một mình	3,5	1,4	2,6

**Nhận xét:** Trong khi có sự tương đồng trong lý do cũng như người cùng sử dụng trong lần sử dụng đầu thì địa điểm sử dụng đầu tiên của từng loại ATS lại cho thấy sự khác biệt đáng kể: phần lớn đối tượng sử dụng thuốc lắc tại sàn nhảy (70,6%), và sử dụng đá tại các địa điểm kín đáo, riêng tư. Phần lớn đối tượng dùng đá lần đầu tiên theo cách hút (76,8%), thuốc lắc theo cách uống (92,3%), hồng phiến theo nhiều cách sử dụng khác nhau gồm uống, hút và hít. Gần 60% đối tượng dùng thuốc lắc cùng với rượu trong lần sử dụng đầu tiên.

**Bảng 3:** Mối tương quan giữa sử dụng ATS với hành vi tình dục không an toàn sử dụng phân tích đơn biến và đa biến (n=270).

	Không sử dụng bao cao su thường xuyên khi QHTD n (%)	Giá trị p	OR (95%CI)	OR (95%CI)
			Phân tích đơn biến	Phân tích đa biến
<b>Tuổi</b>				
≤ 26 tuổi (n = 214)	134 (63,2%)	0,321	1,0	--
≥ 27 tuổi (n = 56)	31(57,4%)		0,74 (0,41 - 1,34)	
<b>Trình độ học vấn</b>				
≤ Cấp 3 (n = 154)	107 (69,5%)	0,007	1,0	1,0
> Cấp 3 (n = 116)	62 (53,5%)		0,53 (0,32 - 0,88)	0,34 (0,18 - 0,65)
<b>Hiện đang sống cùng</b>				
Bạn bè	84 (49,7%)	0,043	1,0	1,0
Thành viên gia đình	85 (50,3%)		1,68 (1,0 - 2,77)	1,62 (0,88 - 2,96)
<b>Hiện đang đi làm</b>				
Không (n=62)	36 (58,1%)	0,463	1,0	--
Có (n=208)	133 (63,9%)		1,17 (0,66 - 2,1)	
<b>Thu nhập</b>				
<2 triệu (n=89)	54 (60,7%)	0,1	1,0	--
2 - 3 triệu (n = 90)	64 (71,1%)		1,36 (0,74-2,52)	
>3 triệu (n = 91)	50 (56,0%)		0,79 (0,44-1,43)	
<b>Đang sử dụng ATS</b>				
Không (n = 72)	35 (48,6%)	0,004	1,0	1,0
Có (n = 198)	134 (67,7%)		2,08 (1,19-3,61)	2,04 (1,09 - 3,81)
<b>Sử dụng heroin</b>				
Không (n = 234)	148 (63,3%)	0,623	1,0	1,0
Có (n = 36)	21 (58,3%)		1,14 (0,56 - 2,33)	2,08 (0,92 - 4,68)
<b>Đã từng xét nghiệm HIV</b>				
Không (n = 92)	70 (76,1%)	0,001	1,0	1,0
Có (n = 178)	99 (55,6%)		2,56 (1,47-4,47)	2,23 (1,2 - 4,15)
<b>Số bạn tình đồng giới 30 ngày qua</b>				
1	74 (44,3%)	0,688	1,0	1,0
2	44 (26,4%)		1,19 (0,63-2,24)	1,04 (0,49 - 2,19)
≥ 3	49 (29,3%)		0,88 (0,49- 1,57)	0,80 (0,41 - 1,58)

\* Biến thành phổ được đưa vào mô hình phân tích đa biến để loại trừ nhiễu

**Nhận xét:** Mô hình phân tích đơn biến cho thấy trình độ học vấn là yếu tố bảo vệ, trong khi đó sử dụng ATS và đã từng xét nghiệm HIV làm tăng nguy cơ tình dục không an toàn của đối tượng. Trong mô hình phân tích đa biến, sử dụng ATS làm tăng hơn 2 lần nguy cơ tình dục không an toàn của đối tượng.

#### **BÀN LUẬN**

ATS cho thấy sự khác biệt trong lựa chọn địa điểm sử dụng tại các địa điểm tập trung đông người của đối tượng so với heroine [1], [3], [5]. Có thể do tác động của ATS sau khi sử dụng là tăng hưng phấn làm cho người sử dụng muốn hoạt động liên tục và các địa điểm vui chơi công cộng có âm nhạc và sàn nhảy chính là nơi phù hợp nhất [4]. Mặc dù cách sử dụng ATS của các đối tượng hiện nay thường không phải chích mà chủ yếu là hút và uống, tuy nhiên, nghiên cứu này đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa sử dụng ATS với hành vi tình dục không an toàn và khẳng định nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm đối tượng này do việc sử dụng ATS mang lại. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp và bổ sung thêm bằng chứng cho các nghiên cứu trên thế giới (Thái Lan, Campuchia, Mỹ) về nguy cơ HIV trong nhóm đối tượng sử dụng ATS không phải theo đường tiêm chích. Kết quả nghiên cứu về MSM sử dụng ATS ở Mỹ đã chỉ ra mối liên quan chặt chẽ giữa hành vi sử dụng ATS với các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV như quan hệ tình dục với nhiều bạn tình, quan hệ tình dục không sử dụng bao cao su và tỷ lệ nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục, bao gồm cả HIV rất cao [2], [4], [5]. Trong nghiên cứu này, sự khác biệt về số lượng bạn tình cũng như mối liên hệ của yếu tố này với hành vi tình dục không an toàn mặc dù chưa được thể hiện qua các mô hình phân tích đơn biến và đa biến, yếu tố này cũng cần được cân nhắc và tìm hiểu thêm trong các nghiên cứu tiếp theo. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý các can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV trong đối tượng có hành vi nguy cơ cao cần phải chú ý đến ATS và các hành vi nguy cơ liên quan đến sử dụng ATS, các can thiệp truyền thông dự phòng sử dụng, tái sử dụng và nghiện ATS cần được tiến hành sớm.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### Kết luận

Tỷ lệ sử dụng ATS trong nhóm MSM tham gia nghiên cứu khá cao cho thấy mức độ phổ biến của việc sử dụng ATS trong nhóm đối tượng này.

Có mối liên quan chặt chẽ giữa hành vi sử dụng ATS hiện tại với hành vi tình dục không an toàn.

### Kiến nghị

Mở rộng các can thiệp dự phòng sử dụng ATS cũng như mối liên quan giữa sử dụng ATS với các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm MSM.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2006) *Kết quả chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam 2005 – 2006*.
2. Colfax G, Santos GM, Chu P, Vittinghoff E, Pluddemann A, Kumar S, Hart C. *Amphetamine-group substances and HIV*. Lancet. 2010 Aug 7;376(9739):458-74.
3. FHI, USAID, NIHE, CDC, PEPFAR (2012). *Báo cáo kết quả điều tra kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học (IBBS) tại Việt Nam vòng 2 năm 2009*.
4. Clatts, M.C, Le, G.M, Goldsamt, L.A & Yi, H. (2007). *Male sex work and HIV risk among young heroin users in Hanoi*. *Sexual Health*, 4, 261 – 267.
5. L. Maher., et al. (2011) *Amphetamine type stimulant use and HIV/STIs risk behaviour among young female sex workers in Phnom Penh, Cambodia*. *International Journal of Drug Policy* 22 (2011) 203 – 209.
6. Mimiaga MJ., et al. (2010) "It's a quick way to get what you want": a formative exploration of HIV risk among urban Massachusetts men who have sex with men who attend sex parties. *AIDS Patient Care STDS*. 2010 Oct; 24 (10): 659 - 74.
7. UNODC (2012). *Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs: Asia and the Pacific*. 2012a.